

Số: 33 /2018/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 24 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ  
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ tài chính, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Sở Công Thương và Sở Tài chính tại Tờ trình số 927/TTr-SCT ngày 10 tháng 7 năm 2018.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng nộp tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ: Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ thường xuyên có cửa hàng, cửa hiệu, quầy hàng, ki ốt ở chợ và không thường xuyên tại chợ.

2. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ:

a) Ban quản lý chợ, tổ quản lý chợ hoặc bộ phận quản lý chợ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư, kinh doanh khai thác và quản lý chợ (gọi tắt là doanh nghiệp quản lý chợ).

### **Điều 3. Phân hạng chợ**

Phân hạng chợ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển, quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển, quản lý chợ.

### **Điều 4. Các nhóm ngành hàng kinh doanh trong chợ**

1. Nhóm 1: Kinh doanh hàng kim khí điện máy, vàng bạc đá quý, máy móc thiết bị.

2. Nhóm 2: Kinh doanh thực phẩm tươi sống, thịt gia súc, gia cầm; lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, vải, quần áo, giày dép, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ăn uống, nước giải khát; đồ cúng, hàng mã; văn hóa phẩm.

3. Nhóm 3: Kinh doanh hàng rau, củ, quả, hoa.

4. Nhóm 4: Kinh doanh dịch vụ khác và các hàng hóa khác (không thuộc các nhóm trên).

### **Điều 5. Các vị trí kinh doanh trong chợ và hệ số vị trí kinh doanh**

1. Tùy thuộc vào từng địa điểm, vị trí kinh doanh thuận lợi và lợi thế thương mại của điểm kinh doanh bán hàng mà các vị trí kinh doanh trong chợ được phân biệt theo các vị trí khác nhau từ thuận lợi đến không thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán tại chợ.

Việc xác định các vị trí kinh doanh trong chợ do đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ có trách nhiệm đề xuất trên cơ sở khảo sát công khai ý kiến của các hộ kinh doanh tại chợ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý chợ.

2. Hệ số  $k$  là hệ số vị trí kinh doanh để tính mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với từng vị trí kinh doanh của cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ hoặc hệ số phương tiện đối với trường hợp các xe chờ hàng vào chợ và bán hàng tại chợ.

a) Trường hợp  $k$  là hệ số kinh doanh: Vị trí kinh doanh thuận lợi nhất, hệ số  $k = 1$ ; vị trí kinh doanh thuận lợi thứ hai, hệ số  $k = 0,8$ ; vị trí kinh doanh thuận lợi thứ ba, hệ số  $k = 0,7$ ; các vị trí còn lại, hệ số  $k = 0,5$ .

b) Trường hợp  $k$  là hệ số phương tiện: Xe ô tô từ 2,5 tấn trở lên:  $k = 1$ ; xe ô tô từ 1,5 tấn đến dưới 2,5 tấn:  $k = 0,8$ ; xe ô tô từ 0,5 tấn đến dưới 1,5 tấn:  $k = 0,7$ ; xe mô tô, xe gắn máy:  $k = 0,5$ ; xe đạp, xe thô:  $k = 0,2$ .

### **Điều 6. Mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ**

1. Đối với chợ được đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

a) Mức giá cơ bản

TT	Loại chợ và ngành, hàng kinh doanh	Đơn vị tính	Mức giá đã bao gồm thuế VAT		
			Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3
<b>A</b>	<b>ĐỐI VỚI CÁC CHỢ TẠI KHU VỰC THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN, THỊ TỬ</b>				
<b>I</b>	<b>Đối với hộ đặt cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ</b>				
1	Nhóm kinh doanh hàng kim khí điện máy, vàng bạc đá quý, máy móc thiết bị	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	70.000	40.000	30.000

2	Nhóm kinh doanh thực phẩm tươi sống, thịt gia súc, gia cầm; lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, vải, quần áo, giày dép, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ăn uống, nước giải khát; đồ cúng, hàng mã; văn hóa phẩm	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	50.000	30.000	20.000
3	Nhóm kinh doanh hàng rau, củ, quả, hoa	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	40.000	20.000	15.000
4	Nhóm kinh doanh dịch vụ khác và các hàng hóa khác (không thuộc các nhóm trên)	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	25.000	15.000	10.000
<b>II</b>	<b>Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ</b>	đồng/người/ngày	20.000	15.000	10.000
<b>III</b>	<b>Đối với các xe chở hàng vào chợ và bán hàng tại chợ</b>	đồng/xe/ngày	80.000	60.000	40.000
<b>B ĐỐI VỚI CÁC CHỢ THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN</b>					
<b>I</b>	<b>Đối với hộ đặt cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ</b>				
1	Nhóm kinh doanh hàng kim khí điện máy, vàng bạc đá quý, máy móc thiết bị	đồng/m <sup>2</sup> /tháng		30.000	20.000
2	Nhóm kinh doanh thực phẩm tươi sống, thịt gia súc, gia cầm; lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, vải, quần áo, giày dép, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ăn uống, nước giải khát; đồ cúng, hàng mã; văn hóa phẩm	đồng/m <sup>2</sup> /tháng		20.000	10.000
3	Nhóm kinh doanh hàng rau, củ, quả, hoa	đồng/m <sup>2</sup> /tháng		15.000	8.000
4	Nhóm kinh doanh dịch vụ khác và các hàng hóa khác (không thuộc các nhóm trên)	đồng/m <sup>2</sup> /tháng		10.000	5.000
<b>II</b>	<b>Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ</b>	đồng/người/ngày		10.000	5.000
<b>III</b>	<b>Đối với các xe chở hàng vào chợ và bán hàng tại chợ</b>	đồng/xe/ngày		30.000	20.000

## b) Cách tính mức giá đối với diện tích bán hàng tại chợ

Công thức tính	Đơn vị tính
Mức giá đối với diện tích bán hàng tại chợ = Mức giá cơ bản x Hệ số k	(đồng/m <sup>2</sup> /tháng)

(Trong đó: Mức giá cơ bản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6; Hệ số k quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quyết định này)

### 2. Đối với chợ được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước

Chợ được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước hoặc đầu tư từ các nguồn viện trợ không hoàn lại được áp dụng mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo phương án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 02 (hai) lần mức giá quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp đặc biệt nếu có đủ căn cứ xác định mức giá cụ thể lớn hơn 02 lần so với mức giá quy định tại Khoản 1, doanh nghiệp quản lý chợ xây dựng phương án giá cụ thể báo cáo Sở Công Thương tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

3. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ có thể tổ chức đấu giá để xác định mức giá cụ thể với từng vị trí kinh doanh tại chợ cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức giá cao nhất của hạng chợ tương ứng. Trường hợp kết quả đấu giá vượt mức giá cao nhất của hạng chợ tương ứng thì đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ phải lập phương án giá báo cáo UBND huyện, thành phố, gửi Sở Công Thương để tổng hợp, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Đối với các chợ đang thu tiền sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo hợp đồng đã ký trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng mức giá theo hợp đồng đã ký cho đến khi hết hạn hợp đồng. Sau thời điểm hết hạn hợp đồng, thực hiện theo quy định này.

## **Điều 7. Tổ chức thu và quản lý, sử dụng nguồn thu**

### 1. Tổ chức thu

Các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý chợ có trách nhiệm thông báo, niêm yết công khai, rộng rãi mức giá sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, đối tượng nộp tiền theo đúng quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6 Quyết định này. Khi thu phải cấp chứng từ (hóa đơn, vé,...) cho đối tượng nộp.

### 2. Quản lý, sử dụng nguồn thu

Số tiền thu được là doanh thu của đơn vị cung ứng dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ. Đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng, kê khai và thực hiện nộp thuế theo quy định.

## **Điều 8. Chứng từ thu**

Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ quản lý và sử dụng chứng từ thu theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế; số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

## **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan**

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, giám sát, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ; theo dõi, tổng hợp báo cáo, đề xuất của địa phương, đơn vị về điều chỉnh phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh.

2. Sở Tài chính thẩm định phương án giá; phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện quy định giá dịch vụ điện tích bán hàng tại chợ.

3. Cục Thuế tỉnh kiểm tra, chỉ đạo các Chi cục Thuế hướng dẫn đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ có liên quan đến việc thu giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ theo quy định.

4. UBND các huyện, thành phố:

a) Chỉ đạo các đối tượng cung ứng dịch vụ tổ chức thực hiện thu giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ theo quy định này.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các quy định về giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn; kiểm tra kế hoạch thu, chi của các đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ theo đúng quy định của pháp luật.

c) Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật hiện hành, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi Sở Công Thương, Sở Tài chính thẩm định, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 10. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

**Điều 11. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2018.

**Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 12;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- CSDLQG về PL (Sở Tư pháp);
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CV: KT2<sup>BT</sup>.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng